



## SỬ DỤNG PHẦN MỀM **DỰ TOÁN GXD** LẬP DỰ TOÁN SỬ DỤNG ĐƠN GIÁ 3600/2012/QĐ-UBND QUẢNG NINH

(Bạn nên in ra để tiện theo dõi, thực hành)

### 1. SỐ LIỆU

- Công trình: Văn phòng công ty Giá Xây Dựng tại Quảng Ninh
- Hạng mục: Móng Gara tự động để xe hơi
- Địa điểm xây dựng: Tp. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Yêu cầu sử dụng đơn giá công bố theo Quyết định số 3600/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 và bảng giá ca máy công bố theo Quyết định số 3482/2012/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh **để lập dự toán chi phí xây dựng công trình.**
- Các số liệu bóc tách được từ bản vẽ thiết kế như sau:

STT	MHĐG	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐV
1	AB.11443	Đào móng cột, rộng >1m, sâu >1m, đất cấp III	m3
		Móng M1: 4*1,5*1,5*1,45*1,2	
		Móng M2: 6*1,8*1,8*1,45*1,2	
		Móng M3: 2*2,4*2,4*1,45*1,2	
2	AF.11111	Bê tông lót móng đá 4x6, mác 100	m3
		Móng M1: 4*1,5*1,5*0,1	
		Móng M2: 6*1,8*1,8*0,1	
		Móng M3: 2*2,4*2,4*0,1	
3	AF.61110	SXLD cốt thép bê tông tại chỗ, cốt thép móng, đ.kính ≤10mm	tấn
		39,95/1000	
4	AF.61120	SXLD cốt thép bê tông tại chỗ, cốt thép móng, đ.kính ≤18mm	tấn
		Thép móng d12: 386,73/1000	
		Thép cổ cột: (87,89+138,89)/1000	
5	AF.81122	Ván khuôn gỗ, ván khuôn móng	100m2
		Đế móng M1: 4*4*1,3*0,2/100	
		Đế móng M2: 6*4*1,6*0,2/100	
		Đế móng M3: 2*4*2,2*0,25/100	
		Cổ móng M1: 6*4*0,25*0,95/100	
		Cổ móng M2: 4*4*0,25*0,85/100	
		Cổ móng M3: 2*4*0,25*0,75/100	
6	AF.11223	Bê tông móng, đá 1x2, mác 200	m3
		Móng M1: 4*1,3*1,3*0,2	
		Móng M2: 6*1,6*1,6*0,25	
		Móng M3: 2*2,2*2,2*0,3	
		Phần vát M1: $4*0,2/6*(1,3^2+0,35^2+(1,3+0,35)^2)$	
		Phần vát M2:	

STT	MHĐG	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐV
		$4*0,3/6*(1,6^2+0,35^2+(1,6+0,35)^2)$	
		Phần vát M3: $4*0,35/6*(2,2^2+0,35^2+(2,2+0,35)^2)$	
7	AB.13112	Đắp đất trở lại móng công trình, độ chặt K=0,90, <u>bằng 2/3 khối lượng đào</u>	m <sup>3</sup>
8	AB.41413	Vận chuyển đất đi đổ bằng ô tô 5T trong phạm vi ≤1000m, đất cấp III, <u>bằng 1/3 khối lượng đào</u>	100m <sup>3</sup>
9	AB.42313	Vận chuyển 6km tiếp theo (cự ly ≤7km) bằng ô tô tự đổ 5T, đất cấp III	100m <sup>3</sup>
10	AB.42413	Vận chuyển tiếp 8km ngoài phạm vi 7km bằng ô tô tự đổ 5T, đất cấp III	100m <sup>3</sup>

- Giả thiết giá vật liệu theo công bố giá liên sở Xây dựng – Tài chính tỉnh Quảng Ninh tại thời điểm lập dự toán như sau:

STT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	CÔNG BỐ GIÁ LIÊN SỞ
1	Cát vàng đổ bê tông	m <sup>3</sup>	220.000
2	Dây thép	kg	19.500
3	Đá 1x2	m <sup>3</sup>	130.000
4	Đá 4x6	m <sup>3</sup>	115.000
5	Đinh	kg	19.000
6	Đinh đĩa	cái	3.000
7	Gỗ chống	m <sup>3</sup>	550.000
8	Gỗ đà nẹp	m <sup>3</sup>	550.000
9	Gỗ ván	m <sup>3</sup>	2.850.000
10	Gỗ ván cầu công tác	m <sup>3</sup>	2.850.000
11	Nước	lít	14
12	Que hàn	kg	18.200
13	Thép tròn D≤10mm	kg	17.500
14	Thép tròn D≤18mm	kg	17.600
15	Xi măng PC30	kg	890

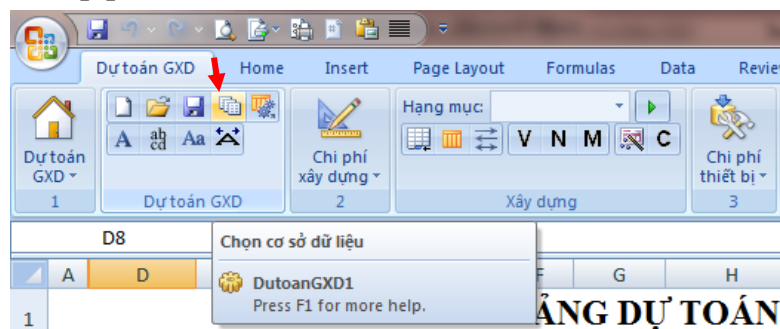
- Giá nhân công được điều chỉnh theo hướng dẫn của Quyết định số 1788/2012/QĐ-UBND ngày 18/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định một số nội dung lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và hướng dẫn trong tập đơn giá công bố theo Quyết định 3600/2012/QĐ- UBND của tỉnh Quảng Ninh,

- Giá ca máy bù chênh lệch theo hướng dẫn của Quyết định số 1788/2012/QĐ-UBND ngày 18/7/2012 và Điều 9 của Thông tư số 06/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình.

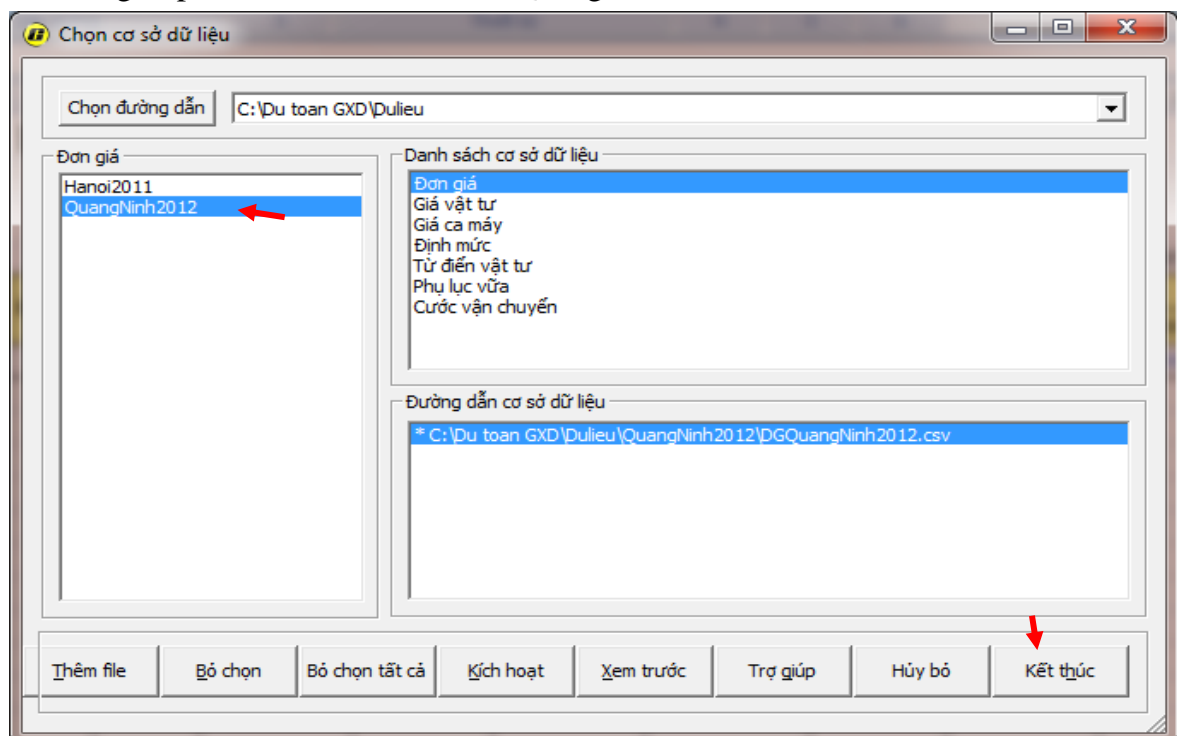
## 2. THỰC HIỆN

### 2.1. Bước 1. Chọn cơ sở dữ liệu

Sau khi chạy, phần mềm tạo một hồ sơ dự toán mới. Bạn kích vào nút Chọn cơ sở dữ liệu hoặc bấm tổ hợp phím tắt Ctrl+Shift+D:



Trong hộp thoại hiện ra kích vào QuangNinh2012 rồi kích vào **Kết thúc**:



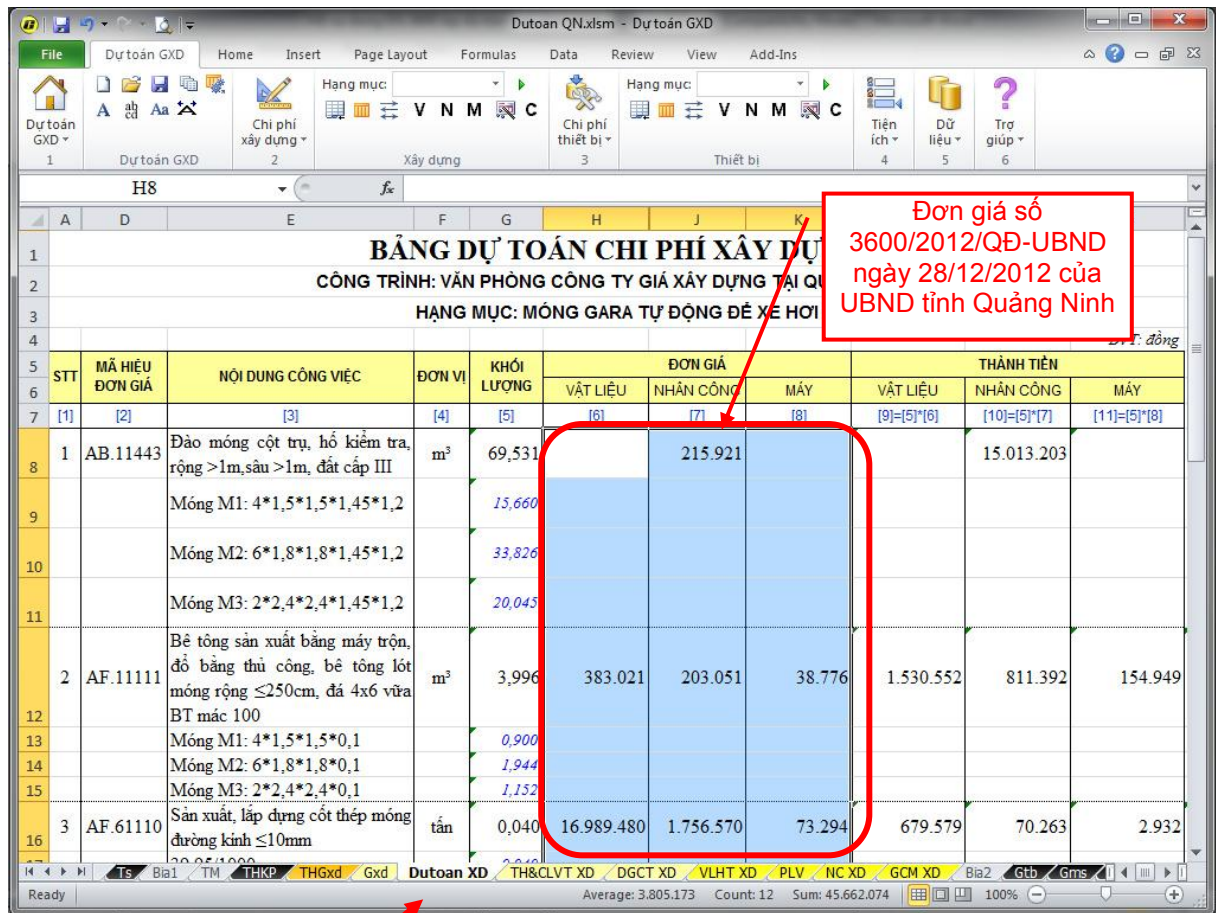
### 2.2. Bước 2. Lưu file dự toán vào ổ cứng

Lưu ý: Ghi file dữ liệu vào ổ cứng dạng file .xlsm hoặc .xls (không lưu loại .xlsx sẽ bị lỗi công thức, hỏng file không làm tiếp được).

Hãy ủng hộ Dự toán GXD để chúng tôi có thể viết nhiều tài liệu chuyên môn hơn

### 2.3. Bước 3. Tra mã đơn giá, nhập số liệu tính khối lượng vào sheet **Dutoan XD**

Bạn nhập các mã hiệu, số liệu tính khối lượng vào sheet Dutoan XD như hình dưới đây.



STT	MÃ HIỆU ĐƠN GIÁ	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ			THÀNH TIỀN		
					VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY	VẬT LIỆU	NHÂN CÔNG	MÁY
1	AB.11443	Đào móng cột trụ, hồ kiểm tra, rộng >1m, sâu >1m, đất cấp III	m³	69,531		215.921			15.013.203	
2	AF.11111	Bê tông sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông lót móng rộng ≤250cm, đá 4x6 vừa BT mác 100	m³	3,996	383.021	203.051	38.776	1.530.552	811.392	154.949
3	AF.61110	Sản xuất, lắp dựng cốt thép móng đường kính ≤10mm	tấn	0,040	16.989.480	1.756.570	73.294	679.579	70.263	2.932

### 2.4. Bước 4. Thêm hệ số cho đơn giá cự ly vận chuyển

Riêng hai công tác 9 và 10 vận chuyển đất đi đổ trong đơn giá đơn vị tính là vận chuyển cho 1km:

- Vận chuyển đất, đá bằng ô tô tự đổ đã tính đến hệ số nở ròi của đất, đá được tính đơn giá cho các cự ly <300m; <500m; <700m và <1000m tương ứng với cấp đất, đá và loại phương tiện vận chuyển.

- Trường hợp cự ly vận chuyển đất, đá từ nơi đào đến nơi đổ >1000m thì áp dụng đơn giá vận chuyển ở cự ly ≤1000m và đơn giá vận chuyển 1000m tiếp theo như sau:

- + Đơn giá vận chuyển với cự ly  $L \leq 2\text{Km} = \text{Đg1} + \text{Đg2} \times (L-1)$
- + Đơn giá vận chuyển với cự ly  $L \leq 4\text{Km} = \text{Đg1} + \text{Đg3} \times (L-1)$
- + Đơn giá vận chuyển với cự ly  $L \leq 7\text{Km} = \text{Đg1} + \text{Đg4} \times (L-1)$
- + Đơn giá vận chuyển với cự ly  $L > 7\text{Km} = \text{Đg1} + \text{Đg4} \times 6 + \text{Đg5} \times (L-7)$

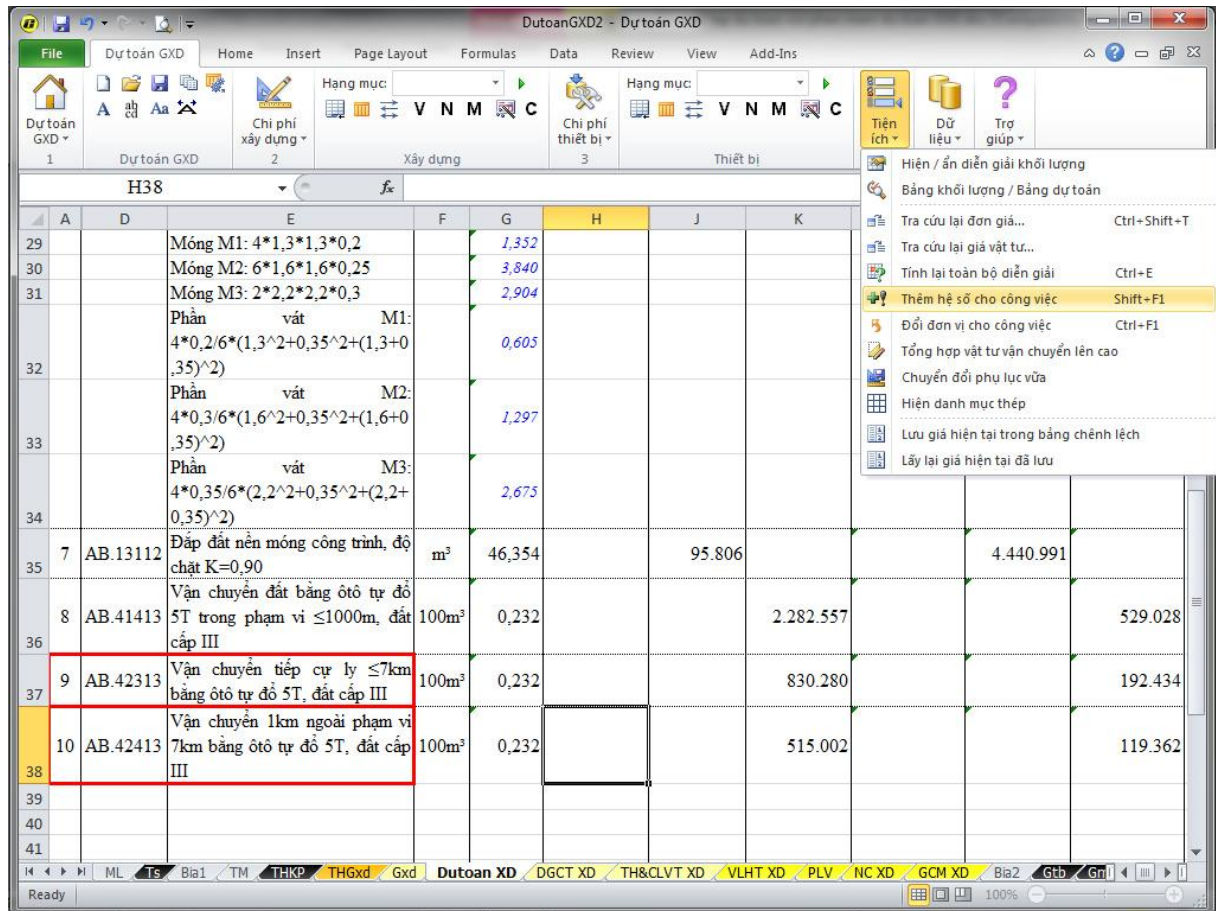
Trong đó:

- + Đg1: Đơn giá vận chuyển trong phạm vi ≤1000m
- + Đg2: Đơn giá vận chuyển 1Km tiếp theo cự ly ≤2Km
- + Đg3: Đơn giá vận chuyển 1Km tiếp theo cự ly ≤4Km
- + Đg4: Đơn giá vận chuyển 1Km tiếp theo cự ly ≤7Km
- + Đg5: Đơn giá vận chuyển 1Km ngoài phạm vi cự ly >7Km

Nên phải bổ sung hệ số điều chỉnh cự ly vận chuyển theo hướng dẫn tại phần thuyết minh đầu Chương II Công tác Đào, đắp đất, đá, cát của đơn giá xây dựng công trình tỉnh Quảng Ninh số 3600/2012/QĐ-UBND như sau:

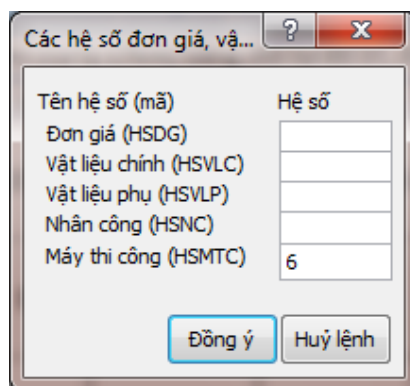
Thực hiện trong Dự toán GXD như sau: chọn công tác muốn thêm hệ số, chọn lệnh **Tiện ích / Thêm hệ số cho công việc**





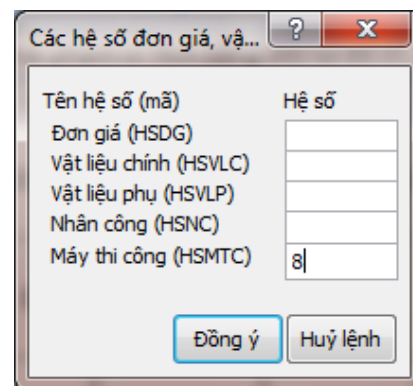
	A	D	E	F	G	H	J	K
29			Móng M1: 4*1,3*1,3*0,2		1,352			
30			Móng M2: 6*1,6*1,6*0,25		3,840			
31			Móng M3: 2*2,2*2,2*0,3		2,904			
32			Phần vát M1: 4*0,2/6*(1,3^2+0,35^2+(1,3+0,35)^2)		0,605			
33			Phần vát M2: 4*0,3/6*(1,6^2+0,35^2+(1,6+0,35)^2)		1,297			
34			Phần vát M3: 4*0,35/6*(2,2^2+0,35^2+(2,2+0,35)^2)		2,675			
35	7	AB.13112	Đắp đất nền móng công trình, độ chặt K=0,90	m³	46,354		95.806	4.440.991
36	8	AB.41413	Vận chuyển đất bằng ô tô tự do 5T trong phạm vi ≤1000m, đất cấp III	100m³	0,232		2.282.557	529.028
37	9	AB.42313	Vận chuyển tiếp cự ly ≤7km bằng ô tô tự do 5T, đất cấp III	100m³	0,232		830.280	192.434
38	10	AB.42413	Vận chuyển 1km ngoài phạm vi 7km bằng ô tô tự do 5T, đất cấp III	100m³	0,232		515.002	119.362

Lần lượt thêm hệ số máy thi công là 6 cho công việc số 9 và hệ số 8 cho công việc số 10:



Tên hệ số (mã)	Hệ số
Đơn giá (HSDG)	
Vật liệu chính (HSVLC)	
Vật liệu phụ (HSVLP)	
Nhân công (HSNC)	
Máy thi công (HSMTC)	6

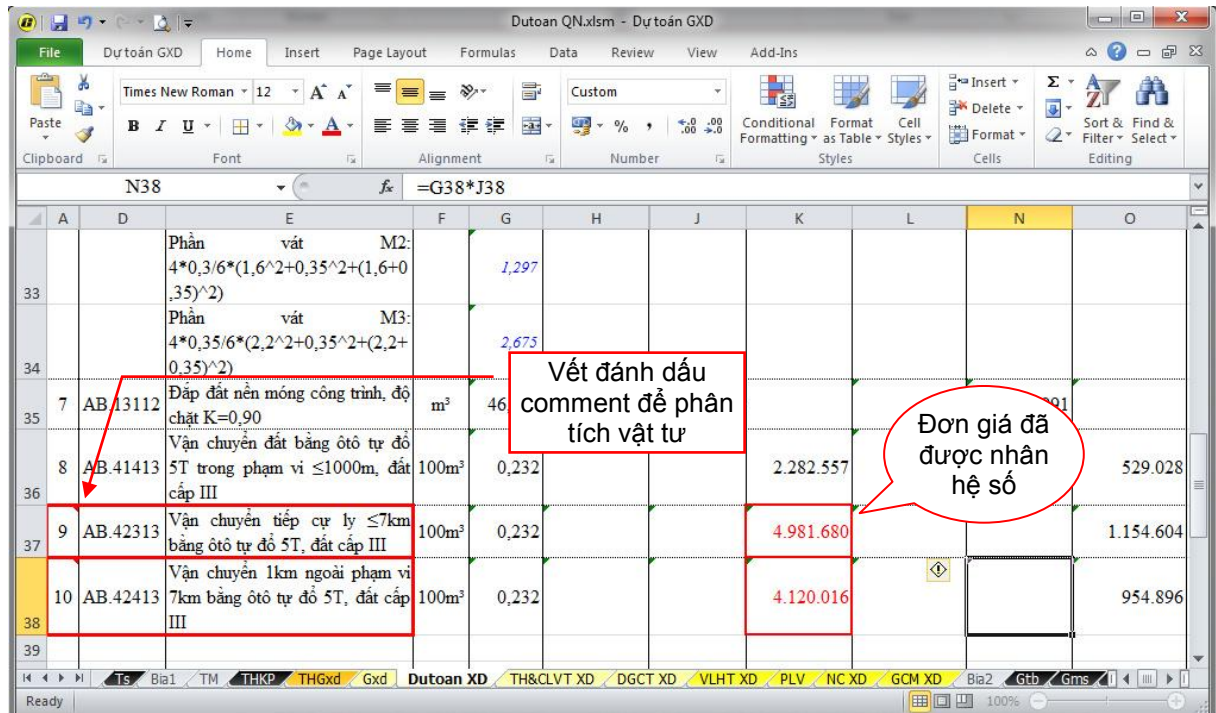
Đồng ý    Hủy lệnh



Tên hệ số (mã)	Hệ số
Đơn giá (HSDG)	
Vật liệu chính (HSVLC)	
Vật liệu phụ (HSVLP)	
Nhân công (HSNC)	
Máy thi công (HSMTC)	8

Đồng ý    Hủy lệnh

Khi đó kết quả công tác vận chuyển sẽ như sau:



	A	D	E	F	G	H	J	K	L	N	O
33			Phần vát M2: $4*0,3/6*(1,6^2+0,35^2+(1,6+0,35)^2)$		1,297						
34			Phần vát M3: $4*0,35/6*(2,2^2+0,35^2+(2,2+0,35)^2)$		2,673						
35	7	AB.13112	Đắp đất nền móng công trình, độ chặt K=0,90	m <sup>2</sup>	46						
36	8	AB.41413	Vận chuyển đất bằng ô tô tự do 5T trong phạm vi ≤1000m, đất cấp III	100m <sup>3</sup>	0,232			2.282.557			529.028
37	9	AB.42313	Vận chuyển tiếp cự ly ≤7km bằng ô tô tự do 5T, đất cấp III	100m <sup>3</sup>	0,232			4.981.680			1.154.604
38	10	AB.42413	Vận chuyển 1km ngoài phạm vi 7km bằng ô tô tự do 5T, đất cấp III	100m <sup>3</sup>	0,232			4.120.016			954.896

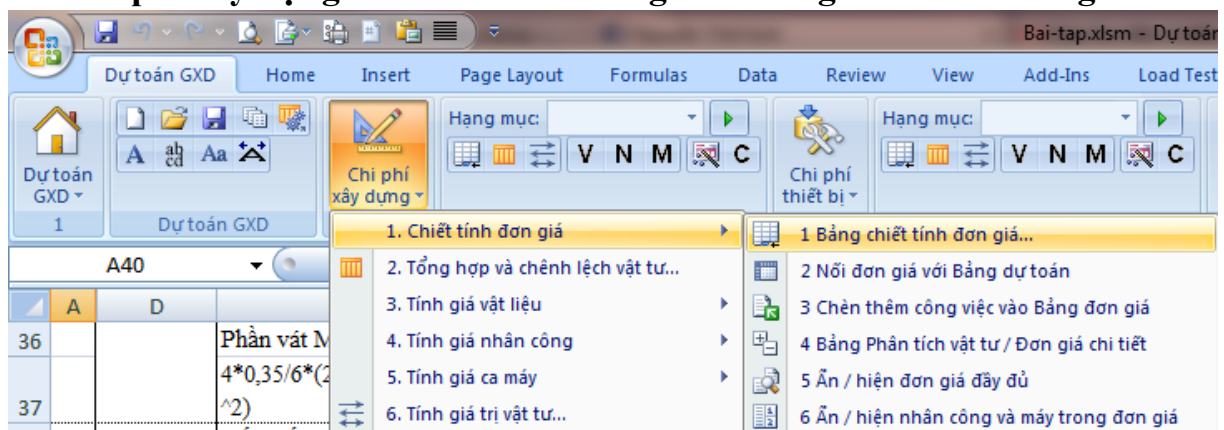
**Vết đánh dấu comment để phân tích vật tư**

**Đơn giá đã được nhân hệ số**

## 2.5. Bước 5. Phân tích đơn giá chi tiết, phân tích vật tư

Trong phần mềm Dự toán GXD 2 bảng đơn giá chi tiết và phân tích vật tư được ghép chung để tránh tình trạng khi chỉnh sửa xong bảng phân tích vật tư lại phải quay sang chỉnh sửa bảng đơn giá chi tiết. Thực hiện lệnh:

### Chi phí xây dựng / 1. Chiết tính đơn giá / 1 Bảng chiết tính đơn giá...



Dutoan GXD		Home		Insert		Page Layout		Formulas		Data		Review		View		Add-Ins		Load Test	
Dutoan GXD		Dutoan GXD		Dutoan GXD		Dutoan GXD		Dutoan GXD		Dutoan GXD		Dutoan GXD		Dutoan GXD		Dutoan GXD		Dutoan GXD	
1		Dutoan GXD		Dutoan GXD		Dutoan GXD		Dutoan GXD		Dutoan GXD		Dutoan GXD		Dutoan GXD		Dutoan GXD		Dutoan GXD	
A40		A40		A40		A40		A40		A40		A40		A40		A40		A40	
36		36		36		36		36		36		36		36		36		36	
37		37		37		37		37		37		37		37		37		37	

**Chi phí xây dựng**

- 1. Chiết tính đơn giá
- 2. Tổng hợp và chênh lệch vật tư...
- 3. Tính giá vật liệu
- 4. Tính giá nhân công
- 5. Tính giá ca máy
- 6. Tính giá trị vật tư...

**1 Bảng chiết tính đơn giá...**

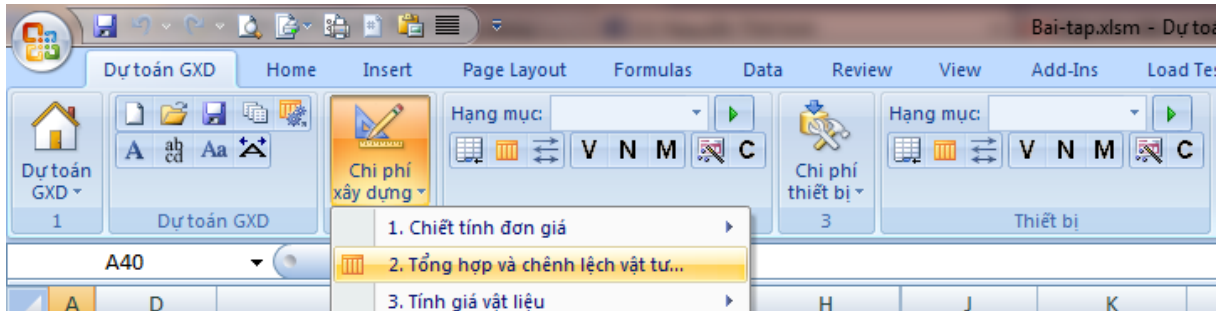
- 1 Bảng chiết tính đơn giá...
- 2 Nối đơn giá với Bảng dự toán
- 3 Chèn thêm công việc vào Bảng đơn giá
- 4 Bảng Phân tích vật tư / Đơn giá chi tiết
- 5 Ẩn / hiện đơn giá đầy đủ
- 6 Ẩn / hiện nhân công và máy trong đơn giá

Khi chạy lệnh trên phần mềm sẽ hiển thị ra hộp thoại, bạn cứ bấm Đồng ý. Kết thúc lệnh phần mềm sẽ xuất ra bảng đơn giá chi tiết.

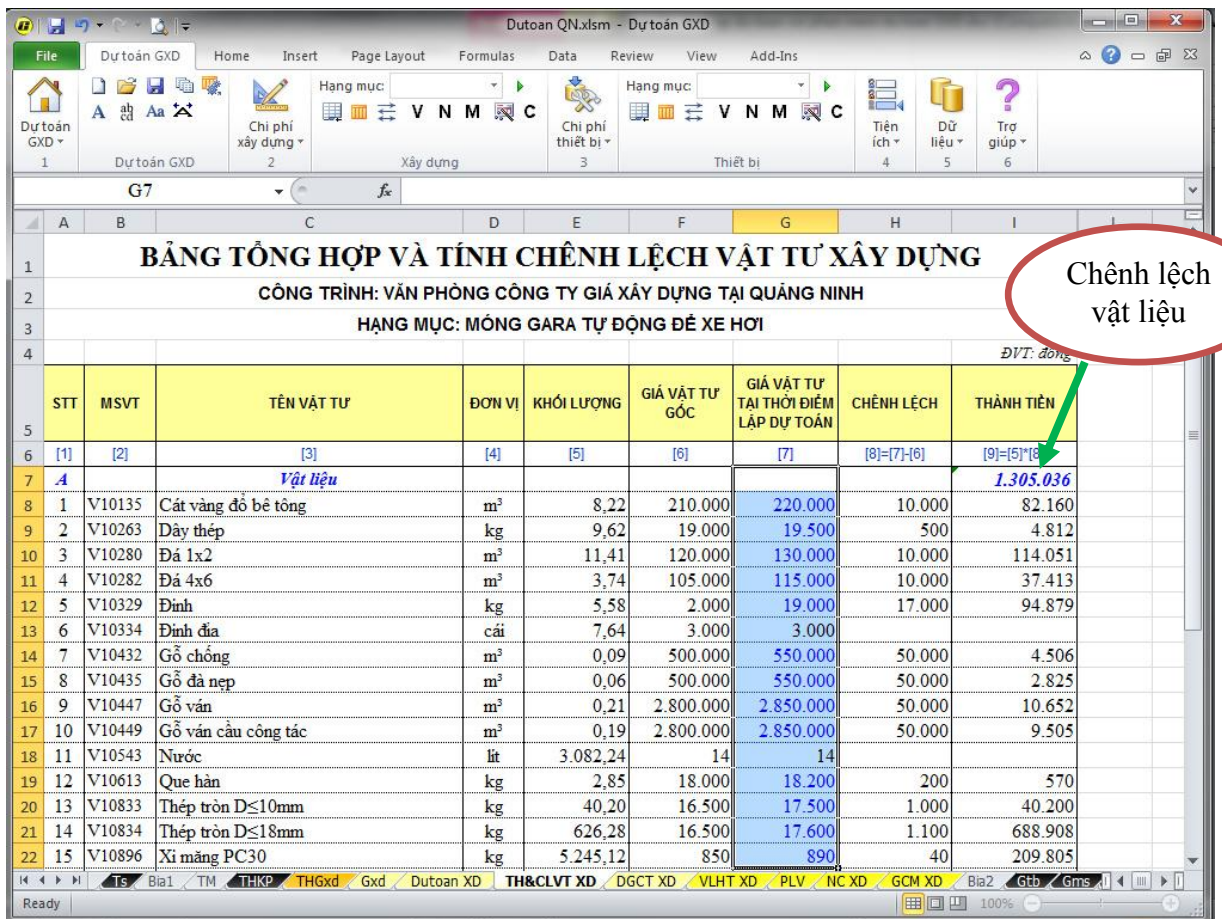
## 2.6. Bước 6. Tính chênh lệch vật liệu, nhân công, máy thi công

Chạy lệnh **Chi phí xây dựng / 2. Tổng hợp và chênh lệch vật tư...**

Hãy ủng hộ Dự toán GXD để chúng tôi có thể viết nhiều tài liệu chuyên môn hơn



Tra giá vật liệu trong công bố giá liên sở Xây dựng – Tài chính tỉnh Quảng Ninh tại thời điểm lập dự toán để nhập vào cột Giá vật tư tại thời điểm lập dự toán.



**BẢNG TỔNG HỢP VÀ TÍNH CHÊNH LỆCH VẬT TƯ XÂY DỰNG**  
 CÔNG TRÌNH: VĂN PHÒNG CÔNG TY GIÁ XÂY DỰNG TẠI QUẢNG NINH  
 HẠNG MỤC: MÔNG GARATỰ ĐỘNG ĐỂ XE HƠI

STT	MSVT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GIÁ VẬT TƯ GỐC	GIÁ VẬT TƯ TẠI THỜI ĐIỂM LẬP DỰ TOÁN	CHÊNH LỆCH	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6	7	8=[7]-[6]	9=[5]*[8]
7	A	Vật liệu						1.305.036
8	1	V10135 Cát vàng đỏ bê tông	m <sup>3</sup>	8,22	210.000	220.000	10.000	82.160
9	2	V10263 Dây thép	kg	9,62	19.000	19.500	500	4.812
10	3	V10280 Đá 1x2	m <sup>3</sup>	11,41	120.000	130.000	10.000	114.051
11	4	V10282 Đá 4x6	m <sup>3</sup>	3,74	105.000	115.000	10.000	37.413
12	5	V10329 Đinh	kg	5,58	2.000	19.000	17.000	94.879
13	6	V10334 Đinh dĩa	cái	7,64	3.000	3.000		
14	7	V10432 Gỗ chống	m <sup>3</sup>	0,09	500.000	550.000	50.000	4.506
15	8	V10435 Gỗ dũa nẹp	m <sup>3</sup>	0,06	500.000	550.000	50.000	2.825
16	9	V10447 Gỗ ván	m <sup>3</sup>	0,21	2.800.000	2.850.000	50.000	10.652
17	10	V10449 Gỗ ván cầu công tác	m <sup>3</sup>	0,19	2.800.000	2.850.000	50.000	9.505
18	11	V10543 Nước	lít	3.082,24	14	14		
19	12	V10613 Que hàn	kg	2,85	18.000	18.200	200	570
20	13	V10833 Thép tròn D≤10mm	kg	40,20	16.500	17.500	1.000	40.200
21	14	V10834 Thép tròn D≤18mm	kg	626,28	16.500	17.600	1.100	688.908
22	15	V10896 Xi măng PC30	kg	5.245,12	850	890	40	209.805

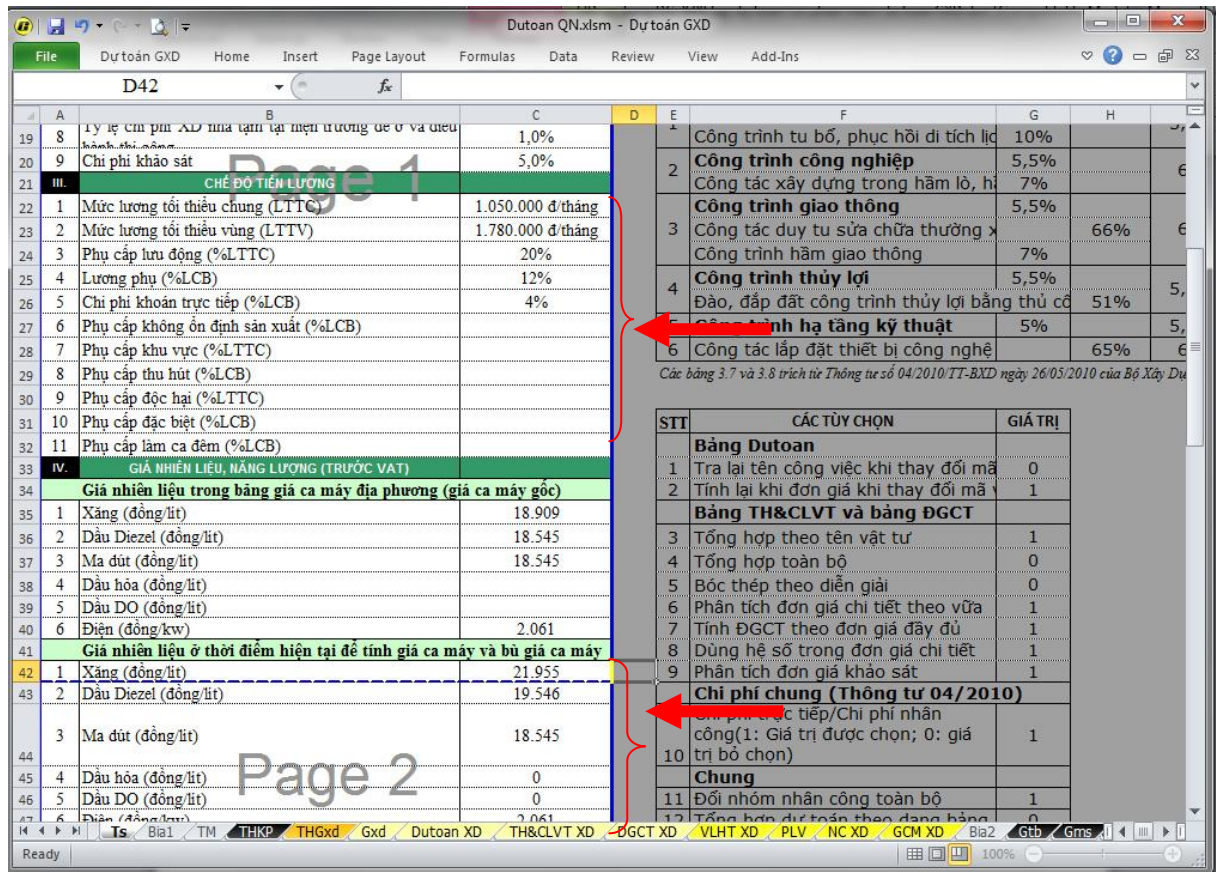
- Để điều chỉnh nhân công và giá ca máy, chọn sheet **TS** để nhập các thông số:

Trong Đơn giá xây dựng công trình số 3600/2012/QN-UBND Quảng Ninh có hướng dẫn điều chỉnh nhân công theo hệ số nên ta sử dụng hệ số để điều chỉnh giá nhân công không phải bù chênh lệch.

Giá ca máy mới có thể tính bằng cách bù nhiên liệu, năng lượng và tiền lương thợ điều khiển máy (lệnh tính giá ca máy -> Bù giá ca máy theo Thông tư 06). Nhập



các thông số về LTCC, LTTV... để tính bù giá lương nhân công lái máy, giá nhiên liệu, năng lượng để bù giá nhiên liệu năng lượng.



STT	CÁC TÙY CHỌN	GIÁ TRỊ
<b>Bảng Dutoan</b>		
1	Tra lại tên công việc khi thay đổi mã	0
2	Tính lại khi đơn giá khi thay đổi mã	1
<b>Bảng TH&amp;CLVT và bảng ĐGCT</b>		
3	Tổng hợp theo tên vật tư	1
4	Tổng hợp toàn bộ	0
5	Bóc tách theo diễn giải	0
6	Phân tích đơn giá chi tiết theo vữa	1
7	Tính ĐGCT theo đơn giá đầy đủ	1
8	Dùng hệ số trong đơn giá chi tiết	1
9	Phân tích đơn giá khảo sát	1
<b>Chỉ phí chung (Thông tư 04/2010)</b>		
10	Chỉ phí trực tiếp/Chỉ phí nhân công (1: Giá trị được chọn; 0: giá trị bỏ chọn)	1
<b>Chung</b>		
11	Đối nhóm nhân công toàn bộ	1
12	Tổng hợp dự toán theo dạng bảng	0

## 2.7. Bước 7. Điều chỉnh hệ số nhân công

Hướng dẫn trong đơn giá số 3600/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh (trang 9 quyển đơn giá):

## 2.2. Chi phí nhân công:

- Chi phí nhân công trong đơn giá bao gồm: Lương cơ bản, lương phụ, các khoản phụ cấp có tính chất lương và các chi phí theo chế độ đối với công nhân xây lắp mà có thể khoán trực tiếp cho người lao động để tính cho một ngày công định mức. Theo nguyên tắc chi phí nhân công trong đơn giá xây dựng công trình được xác định như sau:

- Mức lương tối thiểu vùng tính trong bảng giá nhân công được tính với mức 1.400.000 đ/tháng theo Nghị định số 70/2011/NĐ-CP ngày 22/08/2011 của Chính phủ.

- Mức lương tối thiểu chung tính trong bảng giá nhân công được tính với mức 1.050.000 đ/tháng theo Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ.

- Hệ số bậc thợ áp dụng theo bảng lương A.1.8 – nhóm I – Xây dựng cơ bản ban hành kèm theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ, phụ cấp lưu động ở mức 20% tiền lương tối thiểu chung, một số khoản lương phụ (nghỉ lễ, tết, phép...) bằng 12% lương cơ bản và một số chi phí có thể khoán trực tiếp cho người lao động tính bằng 4% so với tiền lương cấp bậc.

Trường hợp công trình xây dựng được thực hiện trên địa bàn thuộc vùng có mức lương tối thiểu bằng 1.550.000 đồng/tháng thì chi phí nhân công trong đơn giá được điều chỉnh hệ số bằng  $K = 1,102$ .

Trường hợp công trình xây dựng được thực hiện trên địa bàn thuộc vùng có mức lương tối thiểu bằng 1.780.000 đồng/tháng thì chi phí nhân công trong đơn giá được điều chỉnh hệ số bằng  $K = 1,259$ .

## • Điều chỉnh hệ số theo VÙNG LƯƠNG

➤ Giả sử nếu công trình ta đang lập dự toán thi công tại **huyện Ba Chẽ** thì hệ số là 1. Bởi đơn giá số 3600/2012/QĐ-UBND đang lập theo mức lương tại Vùng IV mà theo danh mục địa bàn của Nghị định về tiền lương thì Ba Chẽ thuộc vùng IV.

➤ Giả sử nếu công trình ta đang lập dự toán thi công **tại Ưông Bí, Cẩm Phả hoặc Hoàng Bô hoặc Đông Triều** thì điều chỉnh hệ số nhân công  $K = 1,102$ . Theo quy định các địa bàn trên có danh mục thuộc vùng 3:

### 3. Vùng III, gồm các địa bàn:

- Các thành phố trực thuộc tỉnh còn lại (trừ các thành phố trực thuộc tỉnh nêu tại vùng II);

- Thị Xã Chí Linh và các huyện Cẩm Giàng, Nam Sách, Kim Thành, Kinh Môn, Gia Lộc, Bình Giang, Tứ Kỳ thuộc tỉnh Hải Dương;

- Các huyện Vĩnh Tường, Tam Đảo, Tam Dương, Lập Thạch, Sông Lô thuộc tỉnh Vĩnh Phúc;

- Thị xã Phú Thọ và các huyện Phù Ninh, Lâm Thao, Thanh Ba, Tam Nông thuộc tỉnh Phú Thọ;

- Các huyện Gia Bình, Lương Tài thuộc tỉnh Bắc Ninh;

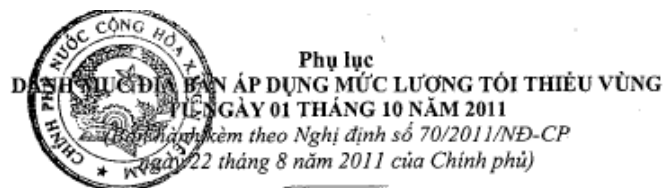
- Các huyện Việt Yên, Yên Dũng, Hiệp Hoà, Tân Yên, Lạng Giang thuộc tỉnh Bắc Giang;

- Các thị xã Ưông Bí, Cẩm Phả và các huyện Hoàng Bô, Đông Triều thuộc tỉnh Quảng Ninh;

Khi đó bạn vào sheet Ts của phần mềm và nhập hệ số 1,102 như hình sau:

CÁC THÔNG SỐ BAN ĐẦU VỀ CÔNG TRÌNH		
I.	THÔNG TIN CHUNG	
1	CÔNG TRÌNH:	
2	TRỤ SỞ CÔNG TY GIÁ XÂY DỰNG TẠI QUẢNG NINH	
3	HẠNG MỤC:	
4	GARA TỰ ĐỘNG ĐỂ XE HƠI	
5	Chủ đầu tư:	
6	CÔNG TY CP GIÁ XÂY DỰNG	
7	Địa điểm xây dựng công trình:	
8	THỊ XÃ UÔNG BÌ, CẨM PHẢ, HOÀNH BÓ, ĐÔNG TRIỀU	
II.	CÁC HỆ SỐ, ĐỊNH MỨC TỶ LỆ	
1	Hệ số vật liệu	1,000
2	Hệ số nhân công	1,102
3	Hệ số máy xây dựng	1,000
4	Định mức chi phí trực tiếp khác (TT)	2,5%
5	Định mức chi phí chung (C)	6,5%
6	Định mức thu nhập chịu thuế tính trước (TL)	5,5%

➤ Giả sử nếu công trình ta đang lập dự toán thi công tại **thành phố Hạ Long** hoặc **Móng Cái** thì điều chỉnh hệ số nhân công  $K = 1,259$ . Vì các địa bàn trên thuộc danh mục vùng 1:



1. Vùng I, gồm các địa bàn:

- Các quận và các huyện Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, Thanh Trì, Từ Liêm, Thường Tín, Hoài Đức, Thạch Thất, Quốc Oai, Thanh Oai, Mê Linh, Chương Mỹ và thị xã Sơn Tây thuộc thành phố Hà Nội;

...

- Thị xã Thủ Dầu Một và các huyện Thuận An, Dĩ An, Bến Cát, Tân Uyên thuộc tỉnh Bình Dương;
- Thành phố Vũng Tàu thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- 2. Vùng II, gồm các địa bàn:
  - Các huyện còn lại thuộc thành phố Hà Nội;
  - Các huyện còn lại thuộc thành phố Hải Phòng;
  - Thành phố Hải Dương thuộc tỉnh Hải Dương;
  - Thành phố Hưng Yên và các huyện Mỹ Hào, Văn Lâm, Văn Giang, Yên Mỹ thuộc tỉnh Hưng Yên;
  - Thành phố Vĩnh Yên, thị xã Phúc Yên và các huyện Bình Xuyên, Yên Lạc thuộc tỉnh Vĩnh Phúc;
  - Thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn và các huyện Quế Võ, Tiên Du, Yên Phong, Thuận Thành thuộc tỉnh Bắc Ninh;
  - Các thành phố Hạ Long, Móng Cái thuộc tỉnh Quảng Ninh;
  - Thành phố Thái Nguyên thuộc tỉnh Thái Nguyên;

Khi đó bạn vào sheet Ts của phần mềm và nhập hệ số 1,259 như hình sau:

	A	B	C
1		<b>CÁC THÔNG SỐ BAN ĐẦU VỀ CÔNG TRÌNH</b>	
2	<b>I.</b>	<b>THÔNG TIN CHUNG</b>	
3	1	CÔNG TRÌNH:	
4		TRỤ SỞ CÔNG TY GIÁ XÂY DỰNG TẠI QUẢNG NINH	
5	2	HẠNG MỤC:	
6		GARA TỰ ĐỘNG ĐỂ XE HƠI	
7	3	Chủ đầu tư:	
8		CÔNG TY CP GIÁ XÂY DỰNG	
9	4	Địa điểm xây dựng công trình:	
10		THÀNH PHỐ HẠ LONG HOẶC THÀNH PHỐ MÓNG CÁI	
11	<b>II.</b>	<b>CÁC HỆ SỐ, ĐỊNH MỨC TỶ LỆ</b>	
12	1	Hệ số vật liệu	1,000
13	2	Hệ số nhân công	1,259
14	3	Hệ số máy xây dựng	1,000
15	4	Định mức chi phí trực tiếp khác (TT)	2,5%
16	5	Định mức chi phí chung (C)	6,5%
17	6	Định mức thu nhập chịu thuế tính trước (TL)	5,5%

• **Điều chỉnh hệ số theo NHÓM LƯƠNG**

Dự toán lập theo đơn giá công bố theo Quyết định số 3600/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh đang tính theo loại công tác xây lắp thuộc nhóm I. Theo thuyết minh tại mục 2.2 Chi phí nhân công, trang 15 của đơn giá:



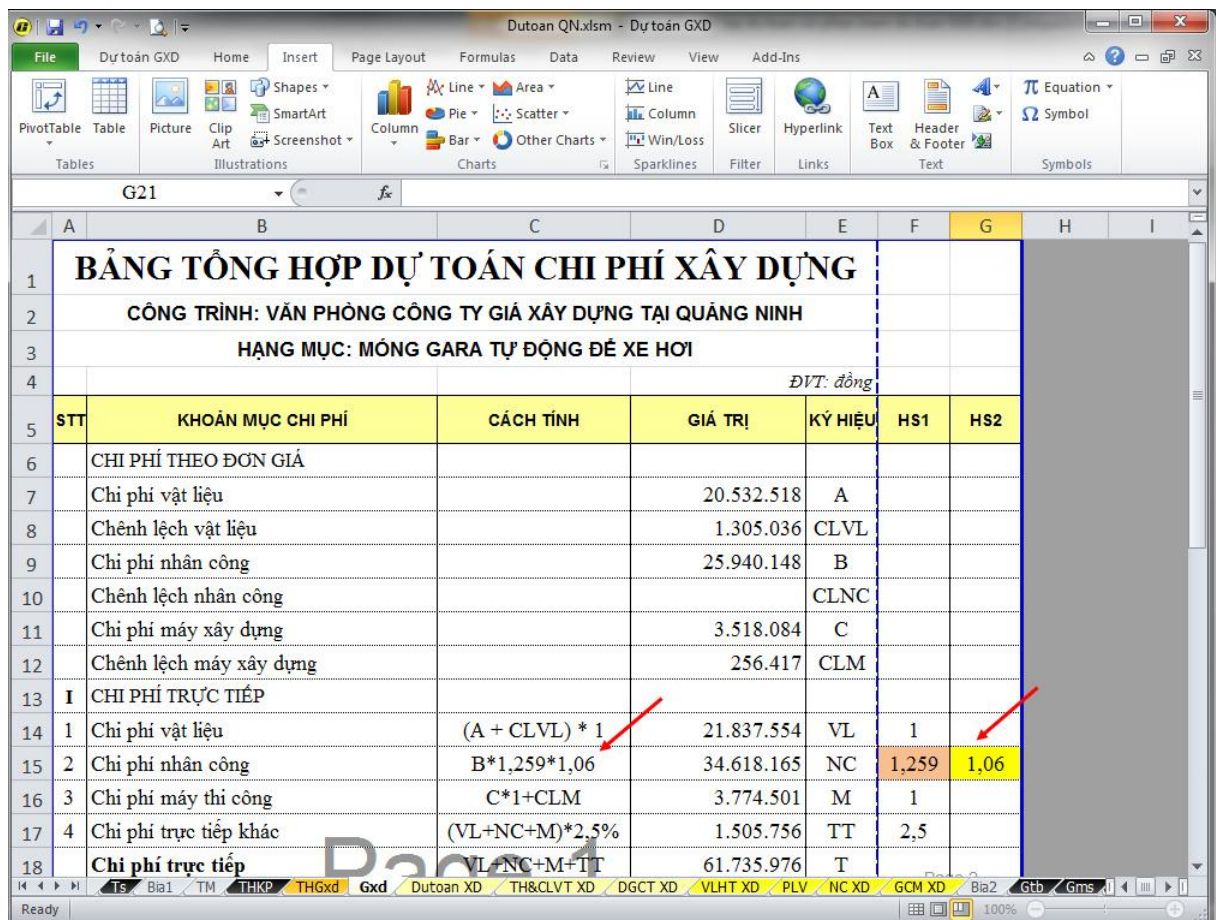
Chi phí nhân công trong đơn giá xây dựng công trình - Phần Xây dựng được tính cho loại công tác xây lắp thuộc nhóm I. Đối với các loại công tác xây lắp của các công trình thuộc các nhóm khác của bảng lương A.1.8 thì được chuyển đổi theo hệ số sau:

- Thuộc nhóm II: Bằng 1,060 so với chi phí nhân công trong Đơn giá xây dựng công trình - Phần xây dựng.

- Thuộc nhóm III: Bằng 1,172 so với chi phí nhân công trong Đơn giá xây dựng công trình - Phần xây dựng.

Đối với các công trình được hưởng thêm khoản lương phụ, phụ cấp lương và các chế độ chính sách khác chưa tính trong thành phần đơn giá đã nêu ở trên hoặc phụ cấp lưu động ở mức cao hơn 20% theo quy định của Thông tư số 05/2005/TT-BLĐTBXH thì được bổ sung thêm các khoản này vào chi phí nhân công trong bảng tổng hợp giá trị dự toán.

➤ Giả sử bạn đang lập dự toán công trình đường giao thông: Theo quy định tại mục Đối tượng áp dụng thang lương 7 bậc (a.1) của Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ thì công trình đường giao thông áp dụng lương nhóm II. Vậy bạn có thể nhập hệ số 1,060 vào mục hệ số nhân công sheet Ts như ở trên hoặc nếu phải thêm hệ số chuyển đổi vùng thì có thể nhập vào sheet Gxd như sau:



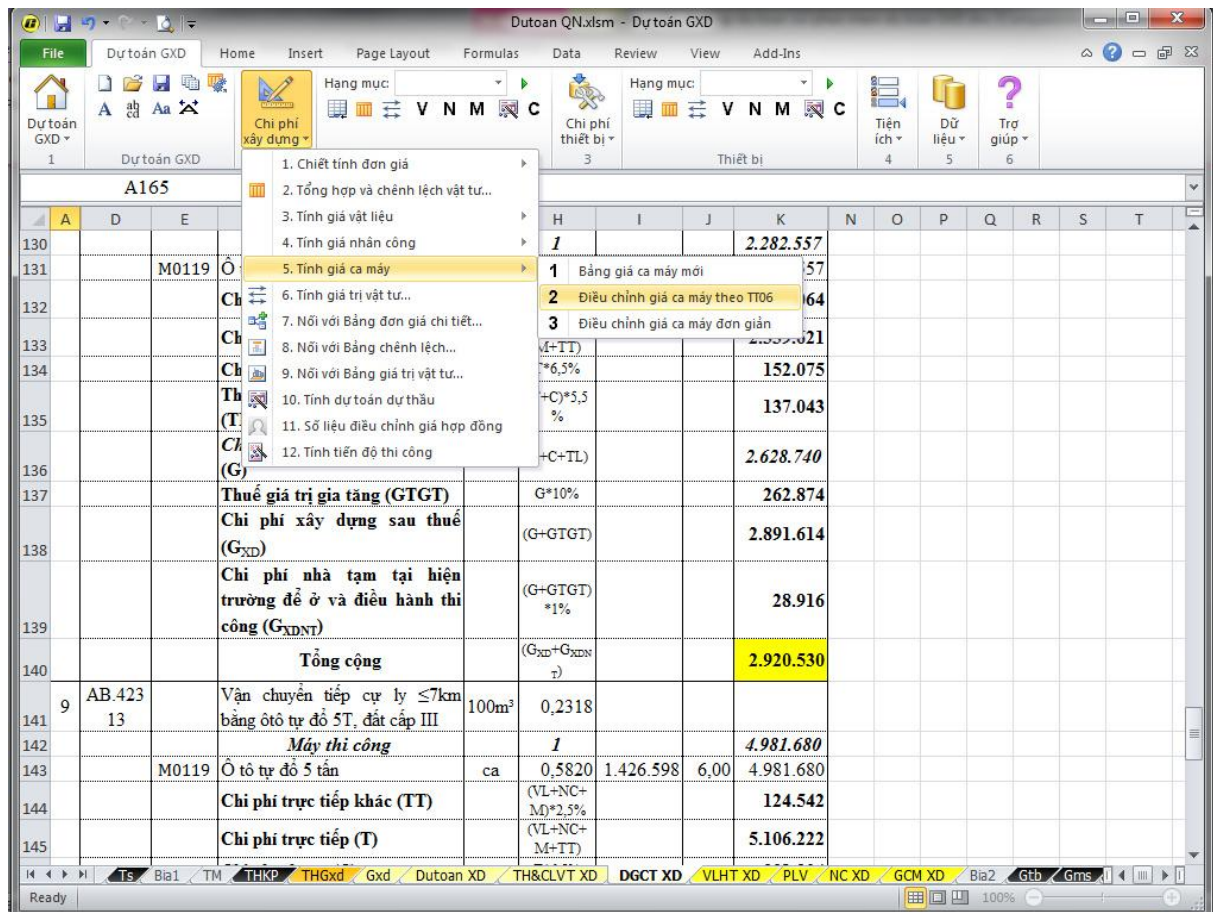
STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU	HS1	HS2
1	CHI PHÍ THEO ĐƠN GIÁ					
2	Chi phí vật liệu		20.532.518	A		
3	Chênh lệch vật liệu		1.305.036	CLVL		
4	Chi phí nhân công		25.940.148	B		
5	Chênh lệch nhân công			CLNC		
6	Chi phí máy xây dựng		3.518.084	C		
7	Chênh lệch máy xây dựng		256.417	CLM		
8	<b>I CHI PHÍ TRỰC TIẾP</b>					
9	1 Chi phí vật liệu	(A + CLVL) * 1	21.837.554	VL	1	
10	2 Chi phí nhân công	B*1,259*1,06	34.618.165	NC	1,259	1,06
11	3 Chi phí máy thi công	C*1+CLM	3.774.501	M	1	
12	4 Chi phí trực tiếp khác	(VL+NC+M)*2,5%	1.505.756	TT	2,5	
13	<b>Chi phí trực tiếp</b>	VL+NC+M+TT	61.735.976	T		

## 2.8. Bước 8. Bù chênh lệch giá ca máy

Để điều chỉnh giá ca máy mục 2.3. Chi phí máy thi công của Quyết định số 3600/2012/QĐ-UBND theo đó: Trường hợp công trình xây dựng được thực hiện trên địa bàn có mức lương khác mức lương tại mục 2.2. của thuyết minh hoặc khi nhà nước thay đổi chế độ tiền lương thì giá ca máy và thiết bị thi công được điều chỉnh theo các phương pháp hướng dẫn tại Điều 9, Thông tư 06/2010/TT-BXD ngày 26/5/2012 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công.

Trong phần mềm Dự toán GXD bạn có thể dùng lệnh: Điều chỉnh giá ca máy theo TT06 hoặc Điều chỉnh giá ca máy đơn giản như hình sau để đưa ra bảng giá ca máy:

Khi đó phần mềm sẽ xuất ra bảng giá ca máy trong sheet GCM XD với đầy đủ công thức:



The screenshot shows the 'Dutoan QN.xlsm - Dự toán GXD' application. The 'Chi phí xây dựng' menu is open, highlighting '5. Tính giá ca máy' (Calculate machine costs). The 'GCM XD' sheet is visible, showing a table of machine costs with columns for item name, unit, quantity, and price. The table includes items like 'Vận chuyển tiếp cự ly ≤7km', 'Máy thi công', and 'Chi phí trực tiếp khác (TT)'. The total cost is calculated as 2.920.530.

H	I	J	K	N	O	P	Q	R	S	T
1			2.282.557							
1	Bảng giá ca máy mới		57							
2	Điều chỉnh giá ca máy theo TT06		64							
3	Điều chỉnh giá ca máy đơn giản		21							
	(+TT)									
	*6,5%		152.075							
	(+C)*5,5%		137.043							
	(+C+TL)		2.628.740							
	Thuế giá trị gia tăng (GTGT)	G*10%	262.874							
	Chi phí xây dựng sau thuế (G <sub>XD</sub> )	(G+GTGT)	2.891.614							
	Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công (G <sub>XDN</sub> )	(G+GTGT)*1%	28.916							
	Tổng cộng	(G <sub>XD</sub> +G <sub>XDN</sub> )	2.920.530							
9	AB.423	Vận chuyển tiếp cự ly ≤7km								
13		bảng ô tô tự đổ 5T, đất cấp III	100m <sup>3</sup>	0,2318						
	Máy thi công			1						
	M0119	Ô tô tự đổ 5 tấn	ca	0,5820	1.426.598	6,00	4.981.680			
	Chi phí trực tiếp khác (TT)	(VL+NC+M)*2,5%					124.542			
	Chi phí trực tiếp (T)	(VL+NC+M+TT)					5.106.222			



Dutoan QN.xlsm - Dự toán GXD

File Dutoan GXD Home Insert Page Layout Formulas Data Review View Add-Ins

Hang muc: V N M C Hang muc: V N M C

Tien lich: 4 Dữ liệu: 5 Trợ giúp: 6

AG13 = (T13+U13+V13)\*AD13+W13\*AE13+X13\*AF13

**BẢNG TÍNH BÙ GIÁ CA MÁY THEO TT06**  
 CÔNG TRÌNH: VÁN PHÒNG CÔNG TY XÂY DỰNG TẠI QUẢNG NINH  
 HANG MỤC: MÔNG GARA TỰ ĐỘNG ĐỂ XE HƠI

DIT: đồng/cá

STT	MSVT	LOẠI MÁY, THIẾT BỊ	ĐINH MỨC TIÊU HAO NHIÊN LIÊU, NĂNG LƯỢNG (C <sub>h</sub> )	CHI PHÍ TRONG G <sub>ca</sub> TẠI THỜI ĐIỂM GỐC	CHI PHÍ NHIÊN LIÊU, NĂNG LƯỢNG TẠI THỜI ĐIỂM GỐC	CHI PHÍ TIỀN LƯƠNG TẠI THỜI ĐIỂM GỐC	NGUYÊN GIÁ (GIA TÍNH KHẤU HAO) TẠI THỜI ĐIỂM GỐC	NGUYÊN GIÁ (GIA TÍNH KHẤU HAO) TẠI THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH	CHI PHÍ NHIÊN LIÊU, NĂNG LƯỢNG TẠI THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH	CHI PHÍ TIỀN LƯƠNG TẠI THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH	HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH N GIÁ (K <sub>n</sub> )	HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH CHI PHÍ NHIÊN LIÊU, NĂNG LƯỢNG (K <sub>g</sub> )	HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH CHI PHÍ TIỀN LƯƠNG (K <sub>l</sub> )	GIÁ CA MÁY ĐIỀU CHỈNH (C <sub>comp</sub> )
1	M0522	Máy cắt uốn	9 kWh	11.003	3.375	3.309	13.183	18.200.000	18.200.000	19.847	1,000	1,505	1,257	229.060
2	M0485	Máy hàn điện 23Kw	48,3 kWh	20.267	4.302	4.444	70.751	16.000.000	16.000.000	106.515	1,000	1,505	1,259	358.821
3	M0355	Đầm dùi	6,75 kWh	11.727	5.131	2.345	9.888	6.450.000	6.450.000	14.886	1,000	1,505	1,257	225.615
4	M0350	Đầm bàn 1Kw	4,5 kWh	12.727	4.455	2.036	6.592	5.600.000	5.600.000	9.924	1,000	1,505	1,257	220.668
5	M0313	Máy trộn bê tông 250l	10,80 kWh	45.514	15.570	11.977	15.820	26.350.000	26.350.000	23.817	1,000	1,505	1,257	288.404
6	M0119	Ô tô tải 5 tấn	40,50 lít diesel	215.509	100.082	80.065	847.778	346.950.000	346.950.000	831.194	1,000	0,980	1,259	1.454.113

Ready

Bạn vào sheet Ts nhập giá xăng,dầu, điện và tiền lương mới vào (giá xăng dầu bạn có thể lấy theo thông cáo báo chí trên trang petrolimex.com.vn, giá điện có thể tìm thông tin từ trang web Bộ Công thương, EVN hoặc Bộ Tài chính):

Dutoan QN.xlsm - Dự toán GXD

File Dutoan GXD Home Insert Page Layout Formulas Data Review View Add-Ins

D42

Page 1

STT	CÁC TÙY CHỌN	GIÁ TRỊ
1	Bảng Dutoan	
2	Tra lại tên công việc khi thay đổi mã	0
3	Tính lại khi đơn giá khi thay đổi mã	1
4	Bảng TH&CLVT và bảng ĐGCT	
5	Tổng hợp theo tên vật tư	1
6	Tổng hợp toàn bộ	0
7	Bóc thép theo diễn giải	0
8	Phân tích đơn giá chi tiết theo vữa	1
9	Tính ĐGCT theo đơn giá đầy đủ	1
10	Dùng hệ số trong đơn giá chi tiết	1
11	Phân tích đơn giá khảo sát	1
12	Chi phí chung (Thông tư 04/2010)	
13	Chi phí trực tiếp/Chi phí nhân công(1: Giá trị được chọn; 0: giá trị bỏ chọn)	1
14	Chung	
15	Đối nhóm nhân công toàn bộ	1
16	Tổng hợp dự toán theo dạng bảng	0

Page 2

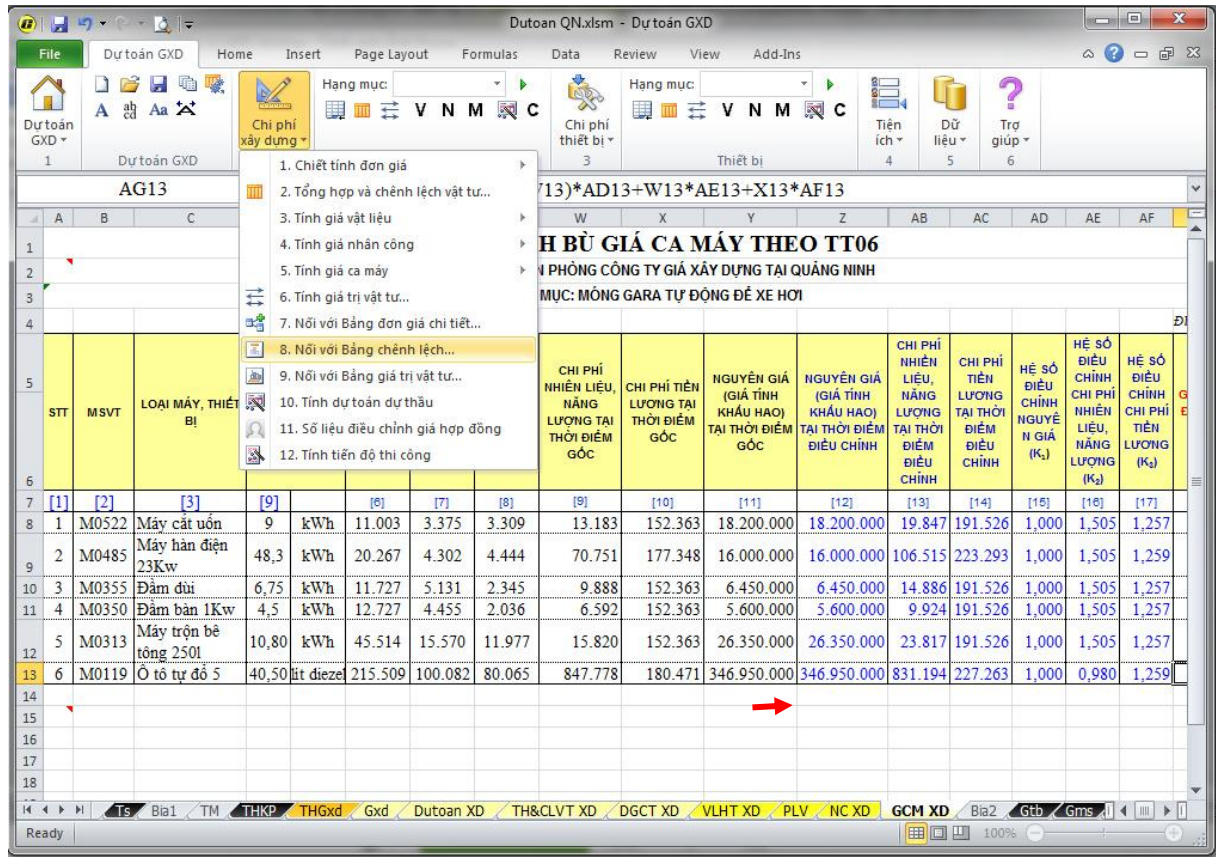
STT	CÁC TÙY CHỌN	GIÁ TRỊ
1	Xăng (đồng/lít)	18.909
2	Dầu Diesel (đồng/lít)	18.545
3	Ma dút (đồng/lít)	18.545
4	Dầu hỏa (đồng/lít)	0
5	Dầu DO (đồng/lít)	0
6	Điện (đồng/kw)	2.061

Page 3

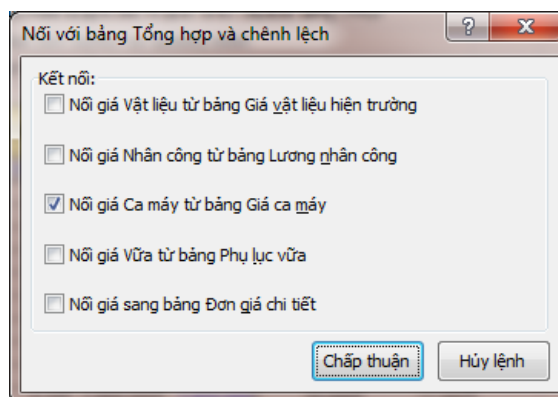
STT	CÁC TÙY CHỌN	GIÁ TRỊ
1	Xăng (đồng/lít)	21.955
2	Dầu Diesel (đồng/lít)	19.546
3	Ma dút (đồng/lít)	18.545
4	Dầu hỏa (đồng/lít)	0
5	Dầu DO (đồng/lít)	0
6	Điện (đồng/kw)	2.061

Ready

Sau đó bạn chọn lệnh Nối với Bảng chênh lệch:



Trong hộp thoại hiện ra bạn chọn lựa chọn Nối giá ca máy từ bảng Giá ca máy như hình sau:



Khi đó bạn sẽ tính được chênh lệch giá ca máy:



Dutoan QN.xlsm - Dự toán GXD

File Dutoan GXD Home Insert Page Layout Formulas Data Review View Add-Ins

I27  $\sum$  =SUM(I28:I34)

**BẢNG TỔNG HỢP VÀ TÍNH CHÊNH LỆCH VẬT TƯ XÂY DỰNG**  
 CÔNG TRÌNH: VĂN PHÒNG CÔNG TY GIÁ XÂY DỰNG TẠI QUẢNG NINH  
 HẠNG MỤC: MÓNG GARAGE TỰ ĐỘNG ĐỂ XE HƠI

ĐVT: đồng

STT	MSVT	TÊN VẬT TƯ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	GIÁ VẬT TƯ GỐC	GIÁ VẬT TƯ TẠI THỜI ĐIỂM LẬP DỰ TOÁN	CHÊNH LỆCH	THÀNH TIỀN
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]=[7]-[6]	[9]=[5]*[8]
		<b>Vật liệu</b>						<b>1.305.036</b>
1	V10135	Cát vàng đỏ bê tông	m³	8,22	210.000	220.000	10.000	82.160
2	V10263	Dây thép	kg	9,62	19.000	19.500	500	4.812
3	V10280	Đá 1x2	m³	11,41	120.000	130.000	10.000	114.051
4	V10282	Đá 4x6	m³	3,74	105.000	115.000	10.000	37.413
5	V10329	Đỉnh	kg	5,58	2.000	19.000	17.000	94.879
6	V10334	Đỉnh đĩa	cái	7,64	3.000	3.000		
7	V10432	Gỗ chống	m³	0,09	500.000	550.000	50.000	4.506
8	V10435	Gỗ đà nẹp	m³	0,06	500.000	550.000	50.000	2.825
9	V10447	Gỗ ván	m³	0,21	2.800.000	2.850.000	50.000	10.652
10	V10449	Gỗ ván cầu công tác	m³	0,19	2.800.000	2.850.000	50.000	9.505
11	V10543	Nước	lít	3.082,24	14	14		
12	V10613	Que hàn	kg	2,85	18.000	18.200	200	570
13	V10833	Thép tròn D≤10mm	kg	40,20	16.500	17.500	1.000	40.200
14	V10834	Thép tròn D≤18mm	kg	626,28	16.500	17.600	1.100	688.908
15	V10896	Xi măng PC30	kg	5.245,12	850	890	40	209.805
		Vật liệu khác	%					4.750
		<b>Nhân công</b>						
16	N1357	Nhân công 3,5/7 (nhóm I)	công	13,56	155.174	155.174		
17	N1307	Nhân công 3,0/7 (nhóm I)	công	166,69	142.994	142.994		
		<b>Máy thi công</b>						
18	M0522	Máy cắt uốn cắt thép 5Kw	ca	0,21	183.234	229.060	45.826	9.737
19	M0485	Máy hàn điện 23Kw	ca	0,69	277.113	358.821	81.708	56.189
								<b>256.417</b>

Ready

Lúc này kết quả bảng tổng hợp dự toán chi phí xây dựng sẽ như hình dưới. Trong đó giá trị chênh lệch vật liệu CLVL=1.305.036 và CLM=256.417 được kết nối từ bảng Tổng hợp và chênh lệch vật tư như hình sau:

Dutoan QN.xlsm - Dự toán GXD

D12      fx      =TH&CLVT XD!\$I\$27

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU	HS1	HS2
<b>BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>						
CÔNG TRÌNH: VĂN PHÒNG CÔNG TY GIÁ XÂY DỰNG TẠI QUẢNG NINH						
HẠNG MỤC: MỎNG GARAGE TỰ ĐỘNG ĐỂ XE HƠI						
ĐVT: đồng						
1	CHI PHÍ THEO ĐƠN GIÁ					
2	Chi phí vật liệu		20.532.518	A		
3	Chênh lệch vật liệu		1.305.036	CLVL		
4	Chi phí nhân công		25.940.148	B		
5	Chênh lệch nhân công			CLNC		
6	Chi phí máy xây dựng		3.518.084	C		
7	Chênh lệch máy xây dựng		256.417	CLM		
8	<b>CHI PHÍ TRỰC TIẾP</b>					
9	1 Chi phí vật liệu	$(A + CLVL) * 1$	21.837.554	VL	1	
10	2 Chi phí nhân công	$B * 1,259 * 1,06$	34.618.165	NC	1,259	1,06
11	3 Chi phí máy thi công	$C * 1 + CLM$	3.774.501	M	1	
12	4 Chi phí trực tiếp khác	$(VL + NC + M) * 2,5\%$	1.505.756	TT	2,5	
13	<b>Chi phí trực tiếp</b>	$VL + NC + M + TT$	61.735.976	T		
14	<b>CHI PHÍ CHUNG</b>	$T * 6,5\%$	4.012.838	C	6,5	
15	<b>THU NHẬP CHIU THUẾ TÍNH TRƯỚC</b>	$(T + C) * 5,5\%$	3.616.185	TL	5,5	
16	<b>Chi phí xây dựng trước thuế</b>	$T + C + TL$	69.364.999	G		
17	<b>THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>	$G * T^{GTGT-XD}$	6.936.500	GTGT	10	
18	<b>Chi phí xây dựng sau thuế</b>	$G + GTGT$	76.301.499	GXD		
19	CHI PHÍ XÂY DỰNG NHÀ TÀM TẠI HIỆN TRƯỞNG ĐỂ Ở VÀ ĐIỀU HÀNH THI CÔNG	$G * tỷ lệ * (1 + T^{GTGT-XD})$	763.015	GXDNT	1	
20	<b>TỔNG CỘNG</b>	$G_{XD} + G_{XDNT}$	77.064.514			
21	<b>LÀM TRÒN</b>		77.065.000			

Phần nhân công đã điều chỉnh bằng hệ số nên không cần điều chỉnh chênh lệch nhân công nữa, bạn có thể ẩn dòng chênh lệch nhân công.

Kết luận: Giá trị dự toán chi phí xây dựng của bài toán đặt ra với các số liệu giả thiết trong bài là: **77.065.000đ**.

## 2.9. Bước 9. Căn chỉnh, in ấn dự toán chi phí xây dựng

Bạn lựa chọn in ra sheet Gxd, Dutoan XD, TH&CLVT XD cho bản dự toán chi phí xây dựng. Các sheet đã được định dạng để sẵn sàng in ra hồ sơ dự toán thật đẹp.

Các bạn xem thêm sách hướng dẫn sử dụng phần mềm và file hướng dẫn đi kèm đĩa CD để hiểu rõ thêm. Chúc công việc của các bạn trở nên nhẹ nhàng, thành công với phần mềm Dự toán GXD.

*Ths. Nguyễn Thế Anh*  
 Phó Giám đốc Trung tâm thông tin, Viện Kinh tế xây dựng, Bộ Xây dựng.  
 Email: [theanh@gxd.vn](mailto:theanh@gxd.vn) website: [DutoanGXD.vn](http://DutoanGXD.vn)